TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày: 28/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Mỹ
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Phạm Duy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 25/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 13/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Nguyễn Thành T, sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số D, ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960 (đã chết); vợ: Đặng Thị Hồng T1; sinh năm 1987 (đã ly hôn); bị cáo đang sống chung như vợ chồng với Nguyễn Mỹ D; sinh năm 1984; con: có 02 người con sinh năm 2006 và năm 2010.

Tiền án: không.

Tiền sự: Có 03 tiền sự.

- Ngày 20/07/2016 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", (Quyết định số 192/2016/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 17/11/2017).

- Ngày 10/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", (Quyết định số 438/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 06/04/2020).

- Ngày 15/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng về hành vi "Sử

dụng trái phép chất ma túy", (Quyết định số 53/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 29/7/2022).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2023 cho đến nay, có mặt.

2. Huỳnh Văn H, sinh năm 1995 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang; trình độ văn hóa: 1/12; nghề nghiệp: không ổn định; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Bé C, sinh năm 1975; (đã chết) và bà Phạm Thị T2; sinh năm: 1975; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 15/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (Bản án Hình sự sơ thẩm số 34/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2018, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm 150.000 đồng, chưa nộp 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước).

Tiền sự: Có 02 tiền sự.

- Ngày 19/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định số 464/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 27/03/2020).

- Ngày 04/02/2021 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", (Chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính lại tiếp tục tái phạm: Quyết định số 113/2021/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 06/04/2022).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2023 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Lê Thị Thu T3, sinh năm 1994; nơi cư trú: số B, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Minh H1, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Mỹ D, sinh năm 1984; nơi cư trú: số C, ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Thị Kim P1, sinh năm 1976; nơi cư trú: số I N, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Thanh Y, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. Vắng mặt

3. Trương Ngọc K, sinh năm 1999; nơi cư trú: số H, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

4. Nguyễn Văn H2, 1996; nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt

5. Nguyễn Đặng K1, sinh năm 1984; nơi cư trú: số B đường H, khu phố A, phường I, thành phố V, tỉnh bà Rịa Vũng Tàu. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 40 phút, ngày 07/05/2023, Lê Nguyễn Thành T điện thoại cho Huỳnh Văn H rủ H đi "bào" (cả hai cùng hiểu nghĩa là đi cướp giật tài sản của người khác), H đồng ý. Lê Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Exciter 150, màu xanh, biển số 62N…- 628.90 (không xác định được số liền sau của chữ N) đến quán cà phê ven đường ở xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150, màu xanh, biển số 62N…-628.90, còn Huỳnh Văn H điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki, có chữ S, màu xanh, biển số 50Y1-453.31 đi từ huyện M về thành phố B. Khi đi, T và H bàn bạc, T trực tiếp giật tài sản, H làm nhiệm vụ cản đường bị hại không cho bị hại đuổi theo T. Khi đến khu vực dốc cầu H thuộc địa phận ấp P, xã B, thành phố B, cả hai phát hiện anh Lê Minh H1, sinh năm 1991, ĐKTT: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Grande, màu hồng, biển số 71B3-653.48 phía sau chở chị Lê Thị Thu T3, sinh năm 1994, ĐKTT: Số B, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, chị T3 có để 01 (một) túi xách (bên trong có 01 (một) cái bóp da màu nâu, bên trong bóp da có 1.400.000 đồng, 01 (một) điện thoại hiệu OPPO Reno 5, màu đen, 02 (hai) Căn cước công dân: 01 mang tên Lê Thị Thu T3 và 01 mang tên Lê Minh H1, 02 (hai) Giấy phép lái xe hạng A1: 01 mang tên Lê Thị Thu T3 và 01 mang tên Lê Minh H1, 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C mang tên Lê Minh H1, 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 71B3-653.48, 04 (bốn) Thẻ Ngân hàng S1: 02 Thẻ Ngân hàng mang tên Lê Thị Thu T3 và 02 Thẻ Ngân hàng mang tên Lê Minh H1, giấy tờ cầm đồ) nên T tăng ga vượt bên trái xe của chị T3, dùng tay phải giật lấy cái bóp rồi bỏ chạy. Sau đó, Huỳnh Văn H giả vờ lên hỏi thăm chị T3 mục đích để trì hoãn, không cho anh H và chị T3 đuổi theo T.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản của bị hại, H và T gặp nhau tại phòng số 3, nhà nghỉ T4 ở số I, đường N, khu phố D, phường P, thành phố B do chị Phạm Thị Kim P1, sinh năm: 1976 làm chủ. T chia cho H 2.000.000 đồng (trong đó tiền chiếm đoạt được là 1.400.000 đồng, 600.000 đồng còn lại là tiền của T), còn lại 01 điện thoại hiệu OPPO Reno 5, màu đen T cất giữ. Các loại giấy tờ khác và sim điện thoại của bị hại, Tâm giao lại cho H. Sau đó, Lê Nguyễn Thành T đem bán điện thoại trên cho người không rõ họ tên, địa chỉ trên mạng với giá 800.000 đồng thông qua tài khoản chơi game. Tài sản hiện không thu hồi được.

Huỳnh Văn H sau khi giật được tài sản thì thấy tin nhắn xin chuộc lại giấy tờ của anh Lê Minh H1, hai bên thỏa thuận cho chuộc lại với giá 7.000.000 đồng. Anh Lê Minh H1 chuyển khoản cho Huỳnh Văn H 2.000.000 đồng, H đóng gói các giấy tờ và nhờ bạn tên Nguyễn Văn H2 đến chuyển phát nhanh của V chuyển trả cho bị hại. Hiện anh H và chị T3 đã nhận lại: 02 (hai) Căn cước công dân: 01 mang tên Lê Thị

Thu T3 và 01 mang tên Lê Minh H1, 02 (hai) Giấy phép lái xe hạng A1: 01 mang tên Lê Thị Thu T3 và 01 mang tên Lê Minh H1, 01 (một) Giấy phép lái xe hạn C mang tên Lê Minh H1, 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 71B3-653.48, 04 thẻ ngân hàng S1, giấy tờ cầm đồ.

Ngày 28/12/2023, anh Lê Minh H1 gởi đơn tố cáo hành vi "Cưỡng đoạt tài sản" của bị cáo Huỳnh Văn H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Sau khi hành vi bị phát hiện, Huỳnh Văn H vứt bỏ Biển số xe 50Y1-453.31 cùng giấy đăng ký xe ở khu vực cầu B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, gắn biển số 72C1-616.34 (mua trên mạng) để thay thế, xe này do H mua lại trên mạng nhưng chưa sang tên. Còn xe mô tô hiệu Exciter 150, màu xanh, biển số 62N…-628.90 không có giấy tờ của Lê Nguyễn Thành T, T đã bán cho người không biết trên mạng xã hội.

Vật chứng thu giữ do Lê Nguyễn Thành T giao nộp: 01 (một) Điện thoại Redmi Note 11 pro, màu đen, số Imei 1: 868202051562448, số Imei 2: 868202051562445, bên trong có sim số 0896546406; 01 (một) Căn cước công dân mang tên Lê Nguyễn Thành T.

Vật chứng thu giữ do Huỳnh Văn H giao nộp: 01 (một) ví cầm tay màu trắng, viền nâu, chữ nổi CG màu vàng, 01 dây kéo, trong có 03 ngăn, kích thước 03cm x 09cm x 12cm; 01 (một) ví nữ màu nâu ghi chữ nổi Minhchau màu vàng, dây mang màu vàng, ở giữa có nút gài, một dây kéo, trong có ba ngăn, kích thước 06cm x 12cm x 25cm; 02 đồng hồ đeo tay; 01 (một) Điện thoại OPPO Reno 8, màu trắng, số Imei: 866876063547992; 01 (một) xe mô tô hiệu Suzuki, có chữ Satria, màu xanh, gắn biển số 72C1-616.34, số máy: CGA1526434, số khung: RLSDL11ANKV126344.

Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) ví cầm tay màu trắng, viền nâu, chữ nổi CG màu vàng, 01 dây kéo, trong có 03 ngăn, kích thước 03cm x 09cm x 12cm, trị giá tài sản ngày 07/5/2023 là 60.000 đồng; 01 (một) ví nữ màu nâu ghi chữ nổi Minhchau màu vàng, dây mang màu vàng, ở giữa có nút gài, một dây kéo, trong có ba ngăn, kích thước 06cm x 12cm x 25cm, trị giá tài sản ngày 07/5/2023 là 250.000 đồng; 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, màu đen, số Imei 1: 865545057350991, số Imei 2: 865545057350983, trị giá tài sản ngày 07/5/2023 là 2.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.810.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 164/2024/KL-KTHS ngày 08/03/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: xe mô tô biển số 72C1-616.34, nhãn hiệu Suzuki, số loại: Satria; số máy: CGA1526434; số khung: MH8DL11ANKV126344. Số khung trước giám định: MH8DL11ANKV126344. Số khung sau giám định: Bị tẩy xóa, đục sửa không tìm được ký tự nguyên thủy. Số máy trước giám định: CGA1526434. Số máy sau giám định: Bị tẩy xóa, đục sửa thay đổi ký tự nguyên thủy; không tìm được hết ký tự nguyên thủy. Ký tự tìm được CGA1-10…77449 (Tại vị trí "…" là ký tự không đọc được).

Quá trình điều tra, Lê Nguyễn Thành T và Huỳnh Văn H đã khai nhận phù hợp với nhau về hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị Lê Thị Thu T3: 01 (một) ví cầm tay màu trắng, viền nâu, chữ nổi CG màu vàng, 01 dây kéo, trong có 03 ngăn, kích thước 03cm x 09cm x 12cm và 01 (một) ví nữ màu nâu ghi chữ nổi Minhchau màu vàng, dây mang màu vàng, ở giữa có nút gài, một dây kéo, trong có ba ngăn, kích thước 06cm x 12cm x 25cm. Trả lại cho bị cáo Lê Nguyễn Thành T 01 (một) Căn cước công dân mang tên Lê Nguyễn Thành T.

Đối với 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, màu đen của bị hại Lê Thị Thu T3: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lê Nguyễn Thành T đã bán điện thoại trên cho người không rõ họ tên, địa chỉ trên mạng thông qua tài khoản chơi game. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với 01 (một) Điện thoại OPPO Reno 8, 01 (một) điện thoại Redmi Note 11 pro, bên trong có sim số 0896546406 và 01 xe mô tô hiệu Suzuki, có chữ Satria, màu xanh, gắn biển số 72C1-616.34 là phương tiện bị cáo H dùng để cướp giật tài sản, qua giám định số khung, số máy bị tẩy xóa, đục sửa không tìm được ký tự nguyên thủy nên cần tiếp tục tạm giữ, xử lý theo quy định.

Chị Nguyễn Mỹ D (sống chung như vợ chồng với bị cáo Lê Nguyễn Thành T) đã bồi thường cho chị Lê Thị Thu T3 số tiền 3.500.000 đồng, bồi thường cho anh Lê Minh H1 2.000.000 đồng thay cho các bị cáo. Chị D, chị T3, anh H1 không ai có yêu cầu gì khác. Chị Lê Thị Thu T3 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Nguyễn Thành T và Huỳnh Văn H.

Tại cáo trạng số 32/CT-VKSTPBT ngày 15/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Nguyễn Thành T và Huỳnh Văn H về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Thành T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị Lê Thị Thu T3: 01 (một) ví cầm tay màu trắng, viền nâu, chữ nổi CG màu vàng, 01 dây kéo, trong có 03 ngăn, kích thước 03cm x 09cm x 12cm và 01 (một) ví nữ màu nâu ghi chữ nổi Minhchau màu vàng, dây mang màu vàng, ở giữa có nút gài, một dây kéo, trong có ba ngăn, kích thước 06cm x 12cm

x 25cm. Trả lại cho bị cáo Lê Nguyễn Thành T 01 (một) Căn cước công dân mang tên Lê Nguyễn Thành T.

Trả lại cho bị cáo H 01 Điện thoại OPPO Reno 8, trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Redmi Note 11 pro và sim số 0896546406.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B 01 xe mô tô hiệu Suzuki, có chữ Satria, màu xanh, gắn biển số 72C1-616.34 là phương tiện bị cáo H dùng để cướp giật tài sản, qua giám định số khung, số máy bị tẩy xóa, đục sửa không tìm được ký tự nguyên thủy để điều tra, làm rõ nguồn gốc và xử lý theo quy định.

Chị Nguyễn Mỹ D (sống chung như vợ chồng với bị cáo Lê Nguyễn Thành T) đã bồi thường cho chị Lê Thị Thu T3 số tiền 3.500.000 đồng, bồi thường cho anh Lê Minh H1 2.000.000 đồng thay cho các bị cáo. Chị D, chị T3, anh H1 không ai có yêu cầu gì khác. Chị Lê Thị Thu T3 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Nguyễn Thành T và Huỳnh Văn H.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D1 trình bày: Chị sống chung như vợ chồng với bị cáo T, chị đã thay bị cáo T, bị cáo H bồi thường cho chị T3 và anh H xong. Chị không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho chị.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 08 giờ 40 phút, ngày 07/05/2023, Lê Nguyễn Thành T và Huỳnh Văn H sau khi đã bàn bạc, thống nhất đi cướp giật tài sản, bị cáo T sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Exciter 150, màu xanh, biển số 62N…- 628.90 tăng ga vượt bên trái xe của chị Lê Thị Thu T3, dùng tay phải giật lấy cái bóp bên trong có các tài sản gồm: 01 (một) ví cầm tay màu trắng, viền nâu, chữ nổi CG màu vàng, 01 dây kéo, trong có 03 ngăn, kích thước 03cm x 09cm x 12cm, trị giá 60.000 đồng; 01 (một) ví nữ màu nâu ghi chữ nổi Minhchau màu vàng, dây mang màu vàng, ở giữa có

nút gài, một dây kéo, trong có ba ngăn, kích thước 06cm x 12cm x 25cm, trị giá 250.000 đồng; 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, màu đen, số Imei 1: 865545057350991, số Imei 2: 865545057350983, trị giá 2.100.000 đồng và số tiền 1.400.000 đồng ở khu vực dốc cầu H thuộc địa phận ấp P, xã B, thành phố B. Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Lê Thị Thu T3 là 3.810.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng để nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã bàn bạc để bị cáo T đã sử dụng xe mô tô áp sát bị hại đang tham gia giao thông trên đường để cướp giật tài sản của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát. Bị cáo H chạy phía sau để tiếp cận nhằm ngăn cản bị hại truy đuổi bị cáo T để bị cáo T dễ dàng tẩu thoát. Các bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm là điều khiển xe mô tô áp sát bị hại để giật tài sản rồi tăng ga bỏ chạy gây nguy hiểm cho bị hại và những người tham gia giao thông nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sự thiếu cảnh giác của bị hại để tiếp cận giật lấy tài sản của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo T có 03 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo H có 01 tiền án và có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm"theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo", "Bồi thường khắc phục hậu quả", "Bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo" theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo T tham gia với vai trò là người rũ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo H là người giúp sức nên cần cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị Lê Thị Thu T3: 01 (một) ví cầm tay màu trắng, viền nâu, chữ nổi CG màu vàng, 01 dây kéo, trong có 03 ngăn, kích thước 03cm x 09cm x 12cm và 01 (một) ví nữ màu nâu ghi chữ nổi Minhchau màu vàng, dây mang màu vàng, ở giữa có nút gài, một dây kéo, trong có ba ngăn, kích thước 06cm x 12cm x 25cm. Trả lại cho bị cáo Lê Nguyễn Thành T 01 (một) Căn cước công dân mang tên Lê Nguyễn Thành T.

Trả lại cho bị cáo H 01 Điện thoại OPPO Reno 8, trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Redmi Note 11 pro và sim số 0896546406 do đây là các tài sản của các bị cáo không có liên quan đến hành vi phạm tội.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B 01 xe mô tô hiệu Suzuki, có chữ Satria, màu xanh, gắn biển số 72C1-616.34 là phương tiện bị cáo H dùng để cướp giật tài sản, qua giám định số khung, số máy bị tẩy xóa, đục sửa không tìm được ký tự nguyên thủy để điều tra, làm rõ nguồn gốc và xử lý theo quy định.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Exciter 150, màu xanh, biển số 62N…-628.90 mà bị cáo T sử dụng không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Chị Nguyễn Mỹ D1 (sống chung như vợ chồng với bị cáo Lê Nguyễn Thành T) đã bồi thường cho chị Lê Thị Thu T3 số tiền 3.500.000 đồng, bồi thường cho anh Lê Minh H1 2.000.000 đồng thay cho các bị cáo. Chị D1, chị T3, anh H1 không ai có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[8] Đối với hành vi của Huỳnh Văn H sau khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại. H thấy tin nhắn nội dung xin chuộc lại các giấy tờ đã mất trong điện thoại. H nảy sinh ý định liên lạc với bị hại để yêu cầu đưa tiền chuộc với số tiền là 7.000.000 đồng, bị hại đồng ý và chuyển trước 2.000.000 đồng cho H. H đã gửi lại các giấy tờ như đã thỏa thuận. Bị cáo không có lời nói hay hành động gì tác động uy hiếp tinh thần của bị hại, bị hại là người đã chủ động đưa ra thông tin chuộc lại giấy tờ trước nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Điều 170 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Lê Nguyễn Thành T, Huỳnh Văn H phạm tội "Cướp giật tài sản".

1.1 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Thành T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2023.

1.2 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2023.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn H 01 Điện thoại OPPO Reno 8.

Trả lại cho bị cáo Lê Nguyễn Thành T 01 điện thoại Redmi Note 11 pro và sim số 0896546406.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B 01 xe mô tô hiệu Suzuki, có chữ Satria, màu xanh, gắn biển số 72C1-616.34 là phương tiện bị cáo H dùng để cướp giật tài sản, qua giám định số khung, số máy bị tẩy xóa, đục sửa không tìm được ký tự nguyên thủy để điều tra, làm rõ nguồn gốc và xử lý theo quy định.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo Lê Nguyễn Thành T, Huỳnh Văn H phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Tân Kiên, H. Bình Chánh, TPHCM (1b);
- UBND TT. Đa Phước, H.An Phú, T.AG (1b);
- Bị cáo, NTGTT (12b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (12b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình